

Bản án số: **83/2018/HC-PT**

Ngày: 31- 5 - 2018

V/v Kiện quyết định hành chính
về quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn
Ông Phạm Việt Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Lê Phước Thanh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 85/2017/TLPT-HC ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc “Kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2017/HC-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 85A/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 04 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1967; địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Chu Hải T – Văn phòng luật sư V - Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk: Ông Lưu Văn K – Phó chủ tịch UBND thành phố B – đại theo ủy quyền.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Tuấn H, Phó chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk xin xét xử vắng mặt.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk: Ông Hoàng Xuân N và ông Phạm Duy T, công tác tại Sở TN và MT tỉnh Đắk Lắk xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk: Ông Từ Thọ, Phó chủ tịch UBND xã H đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

3.2. Ông Huỳnh Trọng Đ (Thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh L); địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3.3. Bà Phạm Thị H; địa chỉ: thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Trước năm 1975, bà Bùi Thị G khai hoang 01 lô đất tại xã H, thị xã B. Ngày 14/11/1994, bà G được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0477626, thửa đất số 353, tờ bản đồ số 23 với diện tích 2.095m².

Năm 1991, bà G cho ông Lê Công H thuê vô thời hạn 01 lô đất để mở tiệm sửa chữa xe đạp. Do làm ăn không hiệu quả, ông Lê Công H chuyển nhượng lại quán cho bà và được bà G đồng ý. Năm 2007, bà G chết và có di chúc cho con gái là Phạm Thị H 01 phần thừa đất nói trên, có diện tích 250m². Ngày 26/11/2009, bà H chuyển nhượng cho ông Huỳnh L 150m² đất trong lô đất có diện tích 250m²; còn lại 100m² đất nằm trong lộ giới giao thông đường bộ, nên UBND thành phố B không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H; trong 100m² đất này có quán của bà. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của bà H, ông Huỳnh L yêu cầu bà tháo dỡ quán để trả lại đất cho ông L nhưng bà không chấp nhận, ông L khởi kiện ra Tòa án.

Tại Bản án dân sự số 94/2013/DS-ST ngày 26/7/2013 của Tòa án nhân dân thành phố B đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh L, về việc yêu cầu bà phải có trách nhiệm bồi thường 03 cây dừa, trị giá 1.500.000 đồng và tháo dỡ căn quán chiều rộng 3m, chiều dài 20m, nằm trên diện tích đất lộ giới 20m x 5m, tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 23, tại thôn 2, xã H, thành phố B.

Về yêu cầu của ông Huỳnh L yêu cầu bà phải trả lại diện tích đất lộ giới quốc lộ 14, diện tích 20m x 3m, hướng Bắc giáp đất ông T, hướng Nam giáp đất ông Phan Văn T, hướng Đông giáp đất ông L, hướng Tây giáp đường Quốc lộ 14, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 546844 được UBND thành phố B cấp cho bà Phạm Thị H ngày 12/7/2007 đã được sang tên cho vợ chồng ông L ngày 11/01/2010 không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Huỳnh L kháng cáo; Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2014/DS-PT ngày 10/01/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 94/2013/DS-ST ngày 26/7/2013 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông Huỳnh L khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Quyết định số 5385/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết tranh chấp giữa ông Huỳnh L và bà đã quyết định: Yêu cầu bà tự tháo dỡ và dời chuyển căn quán có diện tích 39,9 m² hiện bà đang sử dụng và giao lại phần diện tích đất cho ông Huỳnh L, có tứ cận: Phía Bắc giáp Quốc lộ 14, cạnh dài 4,1 m; phía Nam giáp đất ông Huỳnh L, cạnh dài 3,5m; phía Đông giáp đất ông Nguyễn Tâm, cạnh dài 10,5m; phía Tây giáp đất ông Phan Văn Thanh, cạnh dài 10,5m.

Không đồng ý với quyết định số 5385/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột, bà khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Huỳnh L và bà đã quyết định: Không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của bà và giữ nguyên nội dung quyết định số 5385/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của Chủ tịch UBND thành phố B.

Ngày 06/10/2015, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành quyết định số 5133/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 5385/QĐ-UBND; ngày 28/10/2015, Chủ tịch UBND thành phố B tổ chức cưỡng chế, tháo dỡ căn quán của bà; lấy hàng hóa trong quán của bà (có bảng kê chi tiết kèm theo), có giá trị 2.446.700.000 đồng và số tiền mặt 120.000.000 đồng bà để trong quán.

Các quyết định nêu trên là trái pháp luật. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Quyết định số 5385/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của Chủ tịch UBND thành phố B.

2. Hủy Quyết định số 5133/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố B.

3. Hủy Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; buộc Chủ tịch UBND thành phố B bồi thường cho bà thiệt hại về tài sản do bị cưỡng chế là 2.566.700.000 đồng.

Ngày 08/4/2016, bà Nguyễn Thị T bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc UBND thành phố B khôi phục căn quán bị cưỡng chế; buộc UBND thành phố B hoàn trả cho bà tài sản bị thu giữ trước khi cưỡng chế có giá trị 2.566.700.000 đồng; buộc UBND thành phố B bồi thường thiệt hại do thu nhập bị mất kể từ ngày bị cưỡng chế 63.200.000 đồng.

Ngày 19/4/2016, bà Nguyễn Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường thiệt hại 2.566.700.000 đồng.

Tại phiên đối thoại ngày 21/7/2017, bà T bổ sung lại yêu cầu bồi thường thiệt hại 2.566.700.000 đồng và thu nhập bị mất là 400.000 đồng/1 ngày kể từ ngày bị cưỡng chế cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Người đại diện theo Ủy quyền của người bị kiện (Chủ tịch UBND thành phố B) ông Lư Văn K trình bày:*

Diện tích đất 39,9m² đang tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh L, thuộc lộ giới Quốc lộ 14, có nguồn gốc là bà T thuê đất của bà Bùi Thị G vào ngày 20/7/1991; bà T xây dựng thêm trong quá trình sử dụng đất; theo giấy chuyển nhượng quán và hợp đồng thuê đất ngày 20/7/1991, dù ông Lê Công H chuyển nhượng cho bà T căn quán có diện tích 18m², còn diện tích đất bà T tiếp tục thuê bà G. Năm 2005, bà G chết, bà Phạm Thị H là con bà G được thừa kế 250m² đất của bà G trong đó có 100m² đất trong lộ giới, nên không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn quán của bà T nằm trên 100m² đất lộ giới của bà H, nên bà T tiếp tục trả tiền thuê đất cho bà H. Ngày 20/11/2009, bà H chuyển nhượng 250 m² đất nêu trên cho ông Huỳnh L; bà T chỉ cung cấp được Giấy chuyển nhượng căn quán của ông Lê Công H ngày 20/7/1991. Ngoài ra, bà T không cung cấp được giấy tờ gì để chứng minh diện tích đất đang tranh chấp là của bà T.

Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 89, Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; ngày 12/9/2014, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5385/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Huỳnh L và bà Nguyễn Thị T. Yêu cầu bà T tháo dỡ căn quán, trả lại cho ông Huỳnh L 39,9m² đất là đúng pháp luật.

Không đồng ý với Quyết định số 5385/QĐ-UBND, bà T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Ngày 22/4/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 971/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa

bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh L: Không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của bà T và giữ nguyên nội dung quyết định số 5385/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố B.

Do bà T không tự nguyện tháo dỡ căn quán và trả lại đất cho ông Huỳnh L. Căn cứ khoản 4 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 34 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; ngày 06/10/2015, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành quyết định số 5133/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 5385/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của Chủ tịch UBND thành phố B, là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngày 28/10/2015, đoàn cưỡng chế tiến hành kiểm kê tài sản của bà T trong quán; đóng gói tài sản và niêm phong, giao cho UBND xã H bảo quản và thông báo cho bà T đến nhận tài sản. Sau đó tháo dỡ căn quán của bà T, trả lại cho ông Huỳnh L diện tích đất tranh chấp. Việc bà T khởi kiện, yêu cầu UBND thành phố B bồi thường thiệt hại về tài sản do bị cưỡng chế là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk) ông Nguyễn Tuấn Hà trình bày:*

Ngày 12/9/2014, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5385/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Huỳnh L và bà Nguyễn Thị T, theo đó chấp nhận đơn đề nghị của ông Huỳnh L; Yêu cầu bà Nguyễn Thị T tháo dỡ căn quán, trả lại cho ông Huỳnh L diện tích đất 39,9m²; bà T không đồng ý và khiếu nại đến Chủ tịch UBND Đắk Lắk đề nghị xem xét, giải quyết lại; bà T đề nghị hủy bỏ Quyết định số 5385/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của Chủ tịch UBND thành phố B và cho bà được tiếp tục sử dụng diện tích 39,9m² đất nằm trong lộ giới để bà làm ăn, sinh sống.

Ngày 07/01/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành thông báo số 08/TB- UBND, về việc thông báo thụ lý giải quyết đơn khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị T, khiếu nại Quyết định số 5385/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và ban hành Quyết định số 36/QĐ- UBND, giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, xác minh nội dung khiếu nại của bà T. Căn cứ Báo cáo số 60/BC-STNMT ngày 02/02/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả xác minh đơn khiếu nại của bà T, ngày 10/02/2015 Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk có Công văn số 995/UBND- STNMT, ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức đối thoại giữa bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh L cùng với các cơ quan có liên quan. Căn cứ vào kết quả đối thoại, ngày 26/3/2015 Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 337/STNMT-TTra, đề

ngợi Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định giải quyết đất đai giữa bà T và ông L.

Ngày 22/4/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 971/QĐ-UBND với nội dung: Không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên nội dung giải quyết tại Quyết định số 5385/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Huỳnh L và bà Nguyễn Thị T.

Việc bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk là không có căn cứ. Bởi vì: Diện tích đất 39,9m² đang tranh chấp giữa ông Huỳnh L và bà Nguyễn Thị T, nằm trong phần diện tích 100m² đất, thuộc lộ giới Quốc lộ 14, có nguồn gốc do bà G khai hoang trước năm 1975. Năm 2004, bà G tặng cho con gái là Phạm Thị H. Năm 2009, bà H chuyển nhượng cho ông Huỳnh L, nên thuộc quyền sử dụng đất của ông L, khi nào nhà nước thu hồi đất, thì ông L sẽ được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (UBND xã H) ông Từ T trình bày:*

Thực hiện nội dung ghi trong biên bản bàn giao tài sản vào lúc 16 giờ 00 phút ngày 28/10/2015 của đoàn cưỡng chế 5132, giao cho UBND xã H có trách nhiệm bảo quản tài sản tạm giữ của bà Nguyễn Thị T trong quá trình cưỡng chế và thông báo cho bà T đến nhận tài sản. Nếu bà T không nhận tài sản, thì UBND xã H xử lý tài sản theo quy định pháp luật.

Sau khi nhận tài sản từ đoàn cưỡng chế, UBND xã H đã nhiều lần thông báo cho bà Nguyễn Thị T biết về việc tài sản của bà sau khi cưỡng chế được kê biên, niêm phong và đang được bảo quản tại kho của UBND xã H yêu cầu bà đến nhận tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Thông báo số 56/TB-UBND vào ngày 16/11/2015, được gửi qua đường bưu điện nhưng gia đình bà T từ chối nhận thông báo; ngày 28/11/2015, UBND xã H niêm yết thông báo tại trụ sở UBND xã H và tại hội trường thôn 2, xã H.

Lần thứ 2: Thông báo số 68/TB-UBND vào ngày 25/12/2015, được gửi qua đường bưu điện nhưng bà T không đến nhận tài sản.

Vì vậy, UBND xã H phải bố trí lực lượng canh giữ tài sản bà Nguyễn Thị T tại UBND xã cho tới nay.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh L (khi còn sống) trình bày:*

Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp giữa ông và bà Nguyễn Thị T, tại thôn 02, xã H, thành phố B là của bà Phạm Thị H. Năm 2009, bà H chuyển nhượng cho ông với diện tích 250m² đất, trong đó: 150 m² đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần diện tích đất còn lại 100m² thuộc lộ giới Quốc lộ 14, hai bên thỏa thuận mua bán thông qua Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và biên bản giao nhận đất viết tay, được bà Phạm Thị H và các hộ liên kề ký xác nhận vào ngày 26/11/2009. Việc bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5385/QĐ- UBND ngày 12/9/2014 của Chủ tịch UBND thành phố B; hủy Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; hủy Quyết định số 5133/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố B, ông không đồng ý, đề nghị Tòa án xử bác toàn bộ nội dung khởi kiện của bà T.

* Ông Huỳnh Trọng Đ (con ông L) - Là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng hành chính đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày: Về nguồn gốc đất đúng như bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh L (khi còn sống) trình bày. Nay bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T cho rằng:

Chủ tịch UBND TP. B ra Quyết định số 5385/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2014 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Huỳnh L và bà Nguyễn Thị T tại thôn 2, xã H, thành phố B nhưng lại có nội dung “*Yêu cầu bà Nguyễn Thị T tự tháo dỡ và di dời căn quán có diện tích 39,9 m² hiện bà đang sử dụng...*” không những đã phủ nhận Bản án dân sự số 94/2013 ngày 26 tháng 7 năm 2013 của Tòa án nhân dân thành phố B (nội dung bản án quyết định không chấp nhận yêu cầu tháo dỡ căn quán có diện tích rộng 3m, dài 20m trên diện tích đất lộ giới 20m X 5m tại thửa đất số 535, tờ bản đồ số 23 tại thôn 2, xã H, thành phố B) mà còn không đúng với đối tượng tranh chấp đã được xác định tại Quyết định 5385 là quyền sử dụng đất. Như vậy, UBND thành phố B giải quyết tranh chấp đất nhưng lại buộc bà T tự tháo dỡ căn quán có diện tích 39,9 m².

Về nội dung Quyết định số 5385/QĐ-UBND ngày 12/9/2014: Xác định sai đối tượng, chủ thể vi phạm hành chính và thời hiệu xử lý vi phạm hành chính vì nguồn gốc căn quán là đối tượng bị xử lý là do ông Lê Công H xây dựng từ năm 1989 trên đất lộ giới giao thông, bà T chỉ là người mua căn quán này vào ngày 20 tháng 7 năm 1991, bà không phải là chủ thể xây dựng trái phép. Mặt khác, hành vi vi phạm về xây dựng hoặc về sử dụng đất chỉ được xử lý hành chính trong thời hiệu 02 năm (theo điểm a, khoản 1, Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính). Quyết định 5385/QĐ- UBND của Ủy ban nhân dân thành phố B đã xác định và xử lý sai

về đối tượng công trình xây dựng vi phạm và sai cả về thời hiệu xử lý vì căn quán này đã được ông Lê Công H cất vào năm 1989 cách ngày lập biên bản của UBND xã H và ngày ra quyết định số 5385 của UBND thành phố B 25 năm, bà T và gia đình cư trú, làm ăn ở đây đã 23 năm.

- Quyết định số 5385/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Chủ tịch UBND thành phố B có 2 nội dung trái pháp luật là: Buộc bà T tháo dỡ và di dời căn quán đã tồn tại 25 năm mà bà không phải là người xây dựng và giao phần diện tích đất lộ giới giao thông cho ông Huỳnh L sử dụng là vi phạm Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 52, 53 Luật đất đai 2013.

- UBND thành phố Buôn Ma Thuật không tổ chức hòa giải giữa các bên ở cơ sở là đã bỏ qua một thủ tục bắt buộc và vi phạm Điều 88 Nghị định số 43/2014 ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Quyết định số 5385/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 và hủy Quyết định số 5133/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố B; hủy Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; buộc Ủy ban nhân dân thành phố B hoàn trả giá trị tài sản, hàng hóa, tiền bạc đã bị cưỡng chế thu giữ và bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 2.629.900.000 đồng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2017/HC-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 7 193 Luật tổ tụng hành chính;

- Áp dụng Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Hủy Quyết định số 5385/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của Chủ tịch UBND thành phố B và Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Huỳnh L và bà Nguyễn Thị T.

- Hủy Quyết định số 5133/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 7 Luật tố tụng hành chính, tách yêu cầu buộc UBND thành phố B bồi thường thiệt hại về tài sản do bị cưỡng chế là 2.566.700.000đ của bà T để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 9-10-2017 người khởi kiện bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm không giải quyết phần bồi thường là không đúng. Ngày 5 và ngày 18-10-2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ban Mê Thuột và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có đơn kháng cáo đều có nội dung yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T về yêu cầu giải quyết vấn đề bồi thường là không có căn cứ. Việc UBND thành phố Ban Mê Thuột và UBND tỉnh Đắk Lắk giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Huỳnh L và bà Nguyễn Thị T không đúng thẩm quyền do trên đất có tài sản. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính: Ngày 12-9-2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định 5385/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Huỳnh L và bà Nguyễn Thị T đối với diện tích đất trên thửa số 353, tờ bản đồ số 23, tại thôn 2, xã H, thành phố B. Do bà Nguyễn Thị T khiếu nại, ngày 22-4-2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định 971/QĐ-UBND có nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị T, do vậy đến ngày 6-10-2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định 5133/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành quyết định tranh chấp đất đai đối với bà Nguyễn Thị T. Cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, ngày 29-10-2015, bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án yêu cầu hủy các quyết định nói trên. Xét đây là những quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, do vậy căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015, thời hiệu khởi

kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk yêu cầu bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận căn nhà quán của bà Nguyễn Thị T có diện tích 39,9 m² tại thôn 2, xã H, thành phố B đã tồn tại trong thời gian dài, có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Lê Công H vào ngày 20-07-1991. Thời điểm này, do ông Lê Công H thuê đất của bà Bùi Thị G nên việc chuyển nhượng căn nhà quán cho bà T được bà G đồng ý, bà Nguyễn Thị T tiếp tục trả tiền thuê đất cho bà G, sau đó con gái bà G là Phạm Thị H tiếp tục nhận tiền thuê đất của bà T khi được bà G tặng cho diện tích đất 280 m² (thực địa chỉ có 250 m²) vào ngày 8-10-2004. Khi đăng ký kê khai, ngày 12-7-2007 bà Phạm Thị H chỉ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 546844 đối với diện tích 150 m² thuộc thửa đất số 353B, tờ bản đồ số 23, thôn 2, xã H, thành phố B, còn diện tích 100m² có kích thước 5mx20m nằm trong lộ giới quốc lộ 14 nên không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn nhà quán của bà Nguyễn Thị T đang tranh chấp nằm trên diện tích này. Năm 2009, bà Phạm Thị H chuyển nhượng cho ông Huỳnh L toàn bộ diện tích 250 m² đất nêu trên, trong đó có cả diện tích đất của căn quán của bà Nguyễn Thị T, sau đó giữa ông L và bà T phát sinh tranh chấp do ông Huỳnh L yêu cầu bà Nguyễn Thị T tháo dỡ căn nhà quán trả lại diện tích đất cho ông. Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai quy định : “*Tranh chấp đất đai mà đương sự có Giấy chứng nhận hoặc có một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết*”. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết tranh chấp tài sản là căn nhà quán của bà Nguyễn Thị T trên diện tích đất nằm trong lộ giới quốc lộ 14, thuộc thôn 2, xã H, thành phố B, nên nhận định các Quyết định 5385/QĐ-UBND ngày 12-9-2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Huỳnh L và bà Nguyễn Thị T đối với diện tích đất trên thửa số 353, tờ bản đồ số 23, tại thôn 2, xã H, thành phố B; Quyết định 971/QĐ-UBND ngày 22-4-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị T; Quyết định 5133/QĐ-UBND ngày 6-10-2015 về việc cưỡng chế thi hành quyết định tranh chấp đất đai đối với bà Nguyễn Thị T là không đúng pháp luật, nên tuyên hủy các quyết định nêu trên là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường thiệt hại, Hội đồng xét xử thấy rằng thực tế các cơ quan có thẩm quyền khi ban hành các quyết định hành chính không đúng pháp luật, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T, nên

việc bà T yêu cầu bồi thường là chính đáng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết giai đoạn sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T xác định chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ để xác định mức độ thiệt hại của gia đình bà, mặt khác cấp sơ thẩm chưa giải quyết vấn đề bồi thường nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để giải quyết. Do vậy để tạo điều kiện cho các bên thỏa thuận, thương lượng và cung cấp chứng cứ chứng minh, cấp sơ thẩm quyết định tách việc bồi thường để giải quyết bằng một vụ án dân sự là có căn cứ, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa người bị kiện có đề nghị Hội đồng xét xử tạm hoãn phiên tòa để có thời gian xem xét hủy các bản án đã có hiệu lực trước đây để giải quyết vụ án này một cách công minh. Hội đồng xét xử xét thấy thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai mà có tài sản gắn liền với đất là do Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, do vậy đề nghị của người bị kiện không có căn cứ chấp nhận.

Với phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk là không có cơ sở chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk . Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 42/2017/HC-ST ngày 25-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 30; Khoản 2 Điều 32; Điều 116, điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính. Điều 203 Luật Đất đai. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

1.1. Hủy Quyết định số 5385/QĐ-UBND ngày 12-9-2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Quyết định 971/QĐ-UBND ngày 22-4-2015

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Huỳnh L và bà Nguyễn Thị T.

1.2. Hủy Quyết định số 5133/QĐ-UBND ngày 6-10-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc cưỡng chế thi hành quyết định tranh chấp đất đai.

2. Căn cứ Khoản 2 Điều 7 Luật Tố tụng hành chính, tách yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường thiệt hại về tài sản do bị cưỡng chế là 2.566.700.000 đồng của bà T để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

3. Người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính phúc thẩm mỗi người là 300.000 đồng. Đã nộp tại các biên lai thu số 0001735 ngày 16-10-2017; 0001736 ngày 17-10-2017; 0002257 ngày 31-10-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn